

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Địa chỉ: Tầng 3 & 4, tòa nhà Viglacera-Exim, số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 04. 3791 1818 / Fax: 04. 3791 5808

Website: www.japan-sec.vn



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2012

Theo mẫu tại **Phụ lục số II** ban hành theo **Thông tư số 52 /2012/TT-BTC** ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính, có hiệu lực từ ngày 01/06/2012 hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2013

I. THÔNG TIN CHUNG:**1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
- Tên giao dịch bằng tiếng Anh: JAPAN SECURITIES INCORPORATED
- Tên viết tắt: JSI
- Vốn điều lệ (tính đến 31/12/2012): 41.000.000.000 VNĐ (Bốn mươi một tỷ đồng./.)
- Vốn chủ sở hữu: 43.599.795.437 VNĐ (Bốn mươi ba tỷ năm trăm chín mươi chín triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm ba mươi bảy đồng./.)
- Địa chỉ: Tầng 3&4, Tòa nhà Viglacera-Exim, số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội
- Điện thoại: 84-4-3791.1818 Fax: 84-4-3791.5808
- Website: www.japan-sec.vn Email: info@japan-sec.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản được UBCKNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 103/UBCK-GP ngày 16 tháng 1 năm 2009 với tên Công ty CP Chứng khoán Hoa Anh Đào, có trụ sở chính tại tầng 3&4, Tòa nhà Viglacera-Exim, số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội. Công ty được thành lập bởi Tổng công ty Viglacera và có sự tham gia của các cổ đông Nhật Bản là Công ty Chứng khoán Aizawa, Công ty Japan Asia Holdings và Công ty Đầu tư Tanamark với tổng vốn điều lệ là 41.000.000.000 VND.

Các sự kiện nổi bật trong quá trình hình thành và phát triển của Công ty:

Thời gian	Sự kiện
16/01/2009	Công ty chính thức được cấp giấy phép thành lập với tên Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoa Anh Đào
20/05/2009	Thay đổi Tổng Giám đốc kiêm người đại diện trước pháp luật là ông Yokoyama Norio
22/05/2009	Chứng nhận công ty là thành viên lưu ký chứng khoán
30/06/2009	Công nhận tư cách thành viên giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
10/07/2009	Công nhận tư cách thành viên giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh
20/10/2009	Tham gia giao dịch trực tuyến với Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh

13/01/2010	Kết nối giao dịch với sàn UpCOM
11/03/2010	Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản
12/04/2010	Tham gia giao dịch trực tuyến với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
21/01/2011	Thay đổi Tổng Giám đốc kiêm người đại diện trước pháp luật là ông Hiramoto Hiroshi
07/06/2011	Chính thức cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến
01/08/2012	Chính thức cung cấp dịch vụ Giao dịch ký quỹ

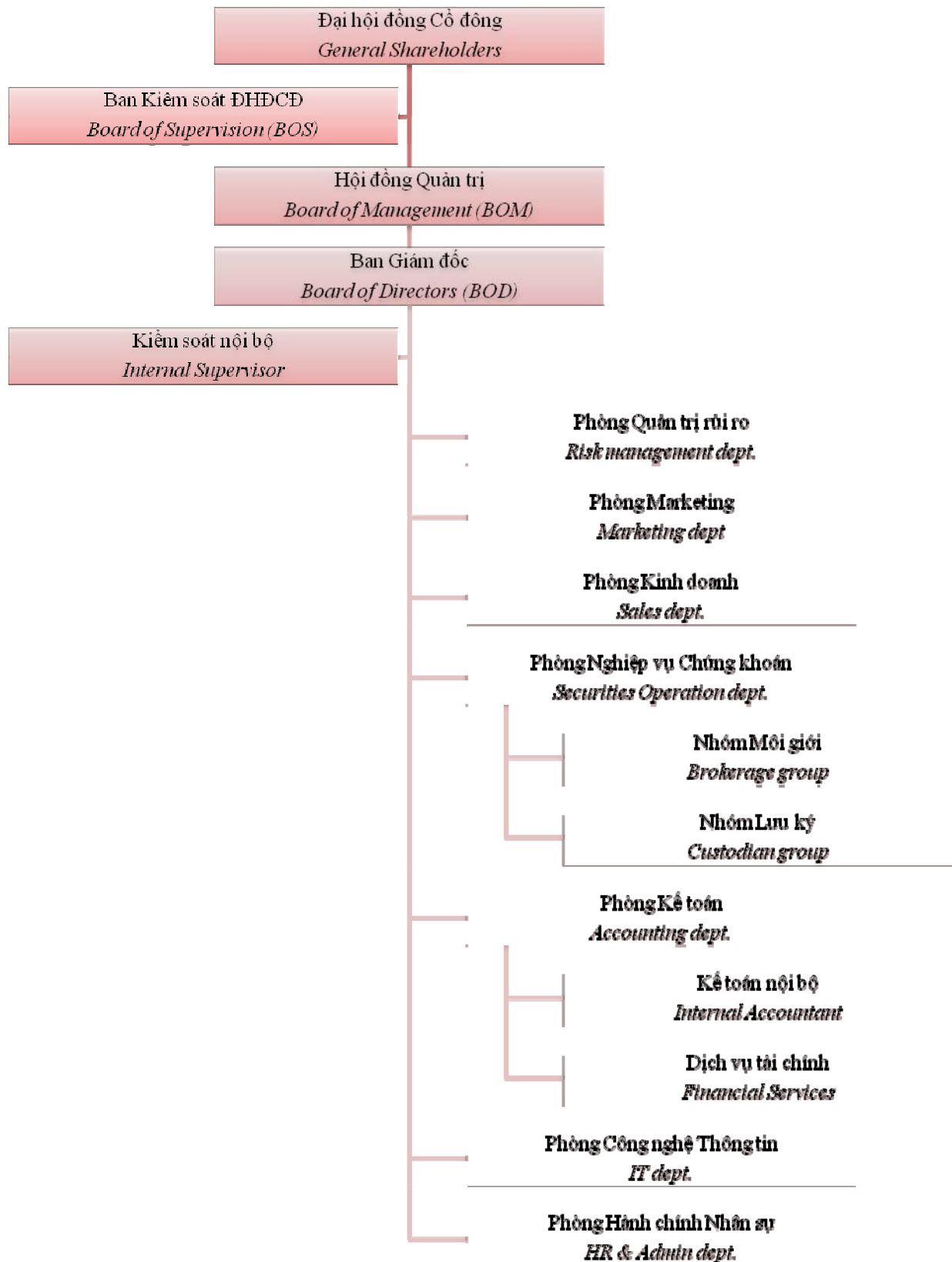
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:
 - Hoạt động môi giới chứng khoán;
 - Hoạt động lưu ký chứng khoán;
 - Hoạt động tư vấn đầu tư.
- Địa bàn kinh doanh:
 - Hà Nội và các tỉnh lân cận;
 - Nhật Bản.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản bao gồm: Đại hội đồng Cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các Phòng Ban chức năng.
- Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc quản lý, điều hành công việc thông qua việc phân cấp, phân quyền; các Trưởng Phòng Ban trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của các phòng ban đó.
- Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản lý, quản trị, điều hành của Ban Giám đốc, và đảm bảo hiệu quả quản trị của Hội đồng Quản trị đối với bộ máy điều hành.
- Để nâng cao hiệu quả quản trị công ty, Ban Giám đốc đã ban hành các qui trình công việc cụ thể cho từng đầu việc, phòng ban, giúp thực hiện công tác quản lý, quản trị nhân sự được thuận lợi.

Sơ đồ tổ chức của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản (cập nhật tại ngày 31/12/2012):



5. Định hướng phát triển

- Là công ty chứng khoán đầu tiên ở Việt Nam có sự tham gia điều hành của chuyên gia Nhật Bản và rất có lợi thế trong việc thu hút khách hàng Nhật, Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản đang hướng tới mục tiêu trở thành công ty dẫn đầu trong lĩnh vực môi giới chứng khoán cho khách hàng nước ngoài và sẽ trở thành cầu nối giữa thị trường vốn Việt Nam và nhà đầu tư Nhật Bản.
- Triết lý kinh doanh của chúng tôi là:
 - Trung thực và Tin cậy;
 - Ổn định và Chất lượng;
 - Phát triển và Cống hiến.
- Trong trung và dài hạn, Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản tập trung vào các chiến lược và phương pháp sau đây:
 - Triển khai chiến dịch marketing để tăng khách hàng tổ chức nước ngoài;
 - Thành lập đội ngũ kinh doanh nhằm tiếp cận các tài khoản lớn, bao gồm cả các tài khoản tổ chức trong nước;
 - Đẩy mạnh giao dịch trực tuyến cho các tài khoản cá nhân;
 - Nâng cao hiệu quả của hệ thống công nghệ thông tin;
 - Thành lập nhóm nghiên cứu khác để mở rộng phạm vi khách hàng;
 - Triển khai hoạt động marketing để phát triển hoạt động kinh doanh các sản phẩm quỹ đầu tư (quỹ mở trái phiếu, cổ phiếu và bất động sản).

6. Các rủi ro:

- Công ty chứng khoán thuộc dạng công ty thành lập có điều kiện và được xếp vào diện các định chế tài chính dù với quy mô như thế nào. Do vậy, ở công ty chứng khoán, các rủi ro luôn tiềm ẩn. Ở Công ty cổ phần chứng khoán Nhật bản, việc đối diện và phòng ngừa các rủi ro luôn được sự quan tâm đặc biệt của Hội Đồng Quản trị và Ban Giám đốc công ty.
- Các rủi ro liên quan đến công ty và có thể ảnh hưởng tới sản xuất kinh doanh cũng như việc thực hiện các mục tiêu của công ty bao gồm:
 - Rủi ro thị trường: là rủi ro mà giá trị hợp lý các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường được thể hiện thông qua những biến động về lãi suất, tỷ giá hối đoái, chi phí giá vốn...
 - Rủi ro thanh toán: là rủi ro khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Rủi ro thanh toán ở JSI liên quan đến các khoản phải thu của khách hàng. Việc quản lý các khoản phải thu của khách hàng của công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro thanh

toán từ hoạt động giao dịch cho vay ký quỹ và cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán.

- **Rủi ro thanh khoản:** Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền ở mức độ hợp lý đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.
- **Rủi ro pháp luật:** Các văn bản pháp luật liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán thường xuyên được thay đổi nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao trong việc hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến thị trường chứng khoán. Công ty thường xuyên cập nhật những văn bản pháp luật mới nhất liên quan đến lĩnh vực chứng khoán và các lĩnh vực liên quan. Ngoài ra, công ty đã và đang nâng cao kiến thức về pháp luật cho đội ngũ cán bộ quản lý cũng như toàn bộ cán bộ nhân viên trong công ty. Bên cạnh đó, việc tham vấn pháp luật của công ty với các đơn vị cung cấp dịch vụ pháp lý chuyên nghiệp cũng được Ban Giám đốc công ty đặc biệt chú trọng. Nhờ đó đã giúp công ty hạn chế những rủi ro liên quan đến vấn đề pháp luật.
- **Rủi ro hoạt động:** là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, hệ thống, quy trình nghiệp vụ, con người trong quá trình tác nghiệp ... Để giảm thiểu các rủi ro này, JSI đã xây dựng quy trình nghiệp vụ cụ thể đến từng phòng nghiệp vụ và phổ biến đến từng cán bộ nhân viên trong công ty. Ngoài ra, các phòng nghiệp vụ thường xuyên tổ chức gặp gỡ và thảo luận bàn ra phương hướng giải quyết trước mỗi một loại hình rủi ro có thể xảy ra. Thực tế, các rủi ro hoạt động ở JSI cũng đã được hạn chế ở mức tối đa.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2012, mặc dù có rất nhiều khó khăn, đặc biệt là quý 3 và quý 4, nhưng tổng kết lại JSI vẫn có 1 năm tăng trưởng cả về doanh thu và lợi nhuận.
 - Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của năm cụ thể như sau:
 - Tổng thu nhập 17,494 tỷ đồng;
 - Tổng chi phí 14,419 tỷ đồng;
 - Tổng lãi trước thuế là 3,075 tỷ đồng.
 - Cơ cấu sản phẩm và dịch vụ của JSI trong năm 2012 nói chung là không có sự thay đổi, tuy nhiên, với mỗi sản phẩm và dịch vụ mà JSI đang cung cấp, Công ty đã cố gắng tăng cường chất lượng theo chiều sâu nhằm mang lại giá trị gia tăng cao hơn và hiệu quả hơn cho khách hàng.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch và cùng kỳ: (Đơn vị: Tỷ đồng)

Chỉ tiêu	So sánh với kế hoạch			So sánh cùng kỳ		
	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ	2012	2011	Tỷ lệ
Tổng thu nhập	18,611	17,494	94%	17,494	15,162	115%
Tổng chi phí	14,056	14,419	103%	14,419	13,554	106%
Lợi nhuận gộp	4,554	3,075	68%	3,075	1,607	191%

- So với năm 2011, kết quả kinh doanh năm 2012 của Công ty đã đạt được mức tăng trưởng đáng kể, lợi nhuận đạt gần gấp đôi năm trước;
- Tuy vậy, do những ảnh hưởng tiêu cực từ nền kinh tế nói chung và từ thị trường chứng khoán nói riêng, đặc biệt trong giai đoạn từ tháng 6 đến tháng 11, kết quả kinh doanh của Công ty đã không đạt được kế hoạch đề ra.
- Cụ thể:
 - Tổng thu nhập 2012 đạt doanh số 17,494 tỷ đồng, đạt 94% so với kế hoạch, và tăng 15% so với năm 2011.
 - Tổng chi phí 2012 là 14,419 tỷ đồng, đạt 103% so với kế hoạch, và tăng 6% so với năm 2011.
 - Tổng lãi trước thuế 2012 là 3,075 tỷ, đạt 68% so với kế hoạch điều chỉnh, và tăng 91% so với năm 2011.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

Vị trí	Họ và tên	Tóm tắt lý lịch	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
Tổng Giám đốc	Hiramoto Hiroshi	<ul style="list-style-type: none"> • Ngày sinh: 24/10/1956 • Quốc tịch: Nhật Bản • Trình độ chuyên môn: Hoạch định tài chính và môi giới chứng khoán • Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> ○ 1989 – 2006: Công ty Chứng khoán Tokyo ○ 2006 – nay: Công ty Chứng khoán Japan Asia ○ 1/2009 – nay: TGD Công ty Chứng khoán Nhật Bản tại Việt Nam 	0%
Phó Tổng Giám đốc	Trần Thị Mai	<ul style="list-style-type: none"> • Ngày sinh: 16/07/1975 • Quốc tịch: Việt Nam • Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ QTKD • Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> ○ 1997 – 2007: Công ty Liên doanh Sunway 	0%

		<ul style="list-style-type: none"> o 2007 – 7/2012: Công ty Chứng khoán Việt Tín o 8/2012 – nay: Công ty Chứng khoán Nhật Bản 	
Kế toán trưởng	Đoàn Thị Hồng	<ul style="list-style-type: none"> • Ngày sinh: 18/06/1974 • Quốc tịch: Việt Nam • Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán • Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> o 1997 – 2006: Cty NCI Việt Nam o 2006 – 2009: Cty Noble Electronics Việt Nam o 8/2009 – nay: Công ty Chứng khoán Nhật Bản 	0%

- Thay đổi trong ban điều hành: Ngày 22/08/2012, Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản chính thức bổ nhiệm bà Trần Thị Mai giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc của Công ty.
- Số lượng cán bộ, nhân viên:

BỘ PHẬN	Tính đến 31/12/2012
Ban Giám đốc	2 người
Phòng Môi giới	9 người
Phòng Kinh doanh	3 người
Phòng Marketing	7 người
Phòng kế toán	7 người
Phòng IT	2 người
Phòng HCNS	4 người
TỔNG CỘNG	34 người

- Chính sách lương: Mặc dù lợi nhuận không đạt như kỳ vọng bởi tình hình hoạt động kinh doanh chưa đạt được kế hoạch đề ra, nhưng Công ty vẫn thực hiện xem xét điều chỉnh tăng lương cho cán bộ nhân viên Công ty vào tháng 4/2012 với mức tăng trung bình đạt 10%, nhằm đảm bảo đời sống cho người lao động và bù đắp trượt giá do lạm phát.
- Chính sách khen thưởng, phúc lợi: Chính sách khen thưởng được áp dụng gắn liền với kết quả công việc và hiệu quả hoạt động kinh doanh nhằm tạo động lực làm việc tích cực cho người lao động. Các chế độ thưởng cụ thể năm 2012 như sau:
 - o Thưởng lương 13;
 - o Thưởng cá nhân tiêu biểu, xuất sắc;
 - o Thưởng nhân các ngày Lễ, Tết;
 - o Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế do Đại hội đồng Cổ đông Công ty quyết định trên cơ sở kết quả sản xuất kinh

doanh năm 2011 được sử dụng để tổ chức cho người lao động đi tham quan, nghỉ mát vào tháng 5/2012.

- Chế độ bảo hiểm xã hội: Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty thực hiện theo đúng qui định pháp luật.
- Chính sách khác:
 - Thực hiện đầy đủ các qui định về an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ;
 - Tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) *Các khoản đầu tư lớn:* không có.
 b) *Các công ty con, công ty liên kết:* không có.

4. Tình hình tài chính

a) *Tình hình tài chính*

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	47.049.554.335	66.304.541.824	41%
Doanh thu thuần	14.655.629.942	17.511.973.915	19%
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	5.809.087.042	8.008.515.363	38%
Lợi nhuận khác	506.968.178	0.00	-100%
Lợi nhuận trước thuế	1.607.709.324	3.055.729.908	90%
Lợi nhuận sau thuế	1.205.781.995	2.286.809.582	90%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	3.5%	4.0%	

b) *Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu*

Các chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	10.7%	2.58%	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	10.7%	10.7%	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	11.2%	34%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	10%	52%	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			

+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	31.1%	26.3%	
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	8.23%	13%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	3.55%	19.07%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	2.56%	3.45%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	2.52%	5.73%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 4.100.000 cổ phiếu. Trong đó:

- Cổ phiếu thường: 4.100.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 VNĐ);
- Cổ phiếu ưu đãi: không có;
- Cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 4.100.000 cổ phiếu;
- Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: không có.

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Cổ đông	Tỷ lệ vốn góp	Số vốn góp (VNĐ)
1	Tổ chức	59 %	24.190.000.000
	<i>Trong đó:</i>		
	Tổ chức nước ngoài	49 %	20.090.000.000
	Tổ chức Việt nam	10 %	4.100.000.000
	Cá nhân	41%	16.810.000.000
	<i>Trong đó:</i>		
	Cá nhân nước ngoài	0%	0
	Cá nhân Việt nam	41%	16.810.000.000
2	Trong nước	51%	20.910.000.000
	<i>Trong đó:</i>		
	Tổ chức trong nước	10%	4.100.000.000
	Cá nhân trong nước	41%	16.810.000.000
	Nước ngoài	49%	20.090.000.000
	<i>Trong đó:</i>		
	Tổ chức nước ngoài	49%	20.090.000.000
	Cá nhân nước ngoài	0%	0

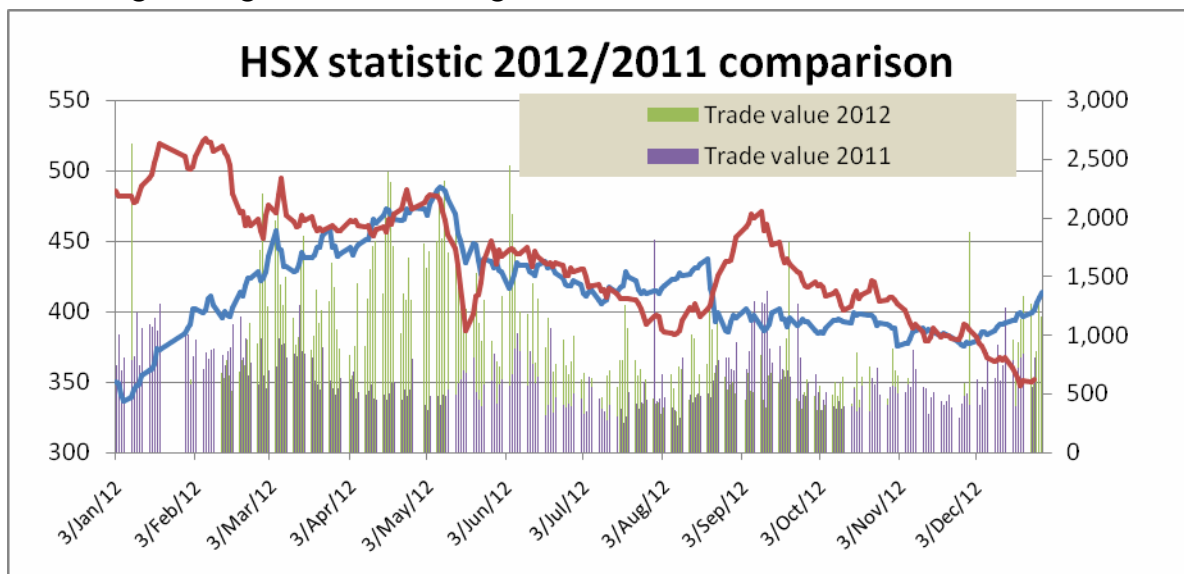
	Phân loại khác		
	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% cổ phần của công ty trở lên. Trong đó:		
	Tổ chức trong nước (1 tổ chức)	82,62%	33.874.200.000
3	Tổ chức nước ngoài (3 tổ chức)	10%	4.100.000.000
	Cá nhân trong nước (4 cá nhân)	49%	20.090.000.000
	Cá nhân nước ngoài (0 cá nhân)	23,62%	9.684.200.000
		0%	0
	Cổ đông Nhà nước	0%	0

- c) *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:* không có.
d) *Giao dịch cổ phiếu quỹ:* không có.
e) *Các chứng khoán khác:* không có.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

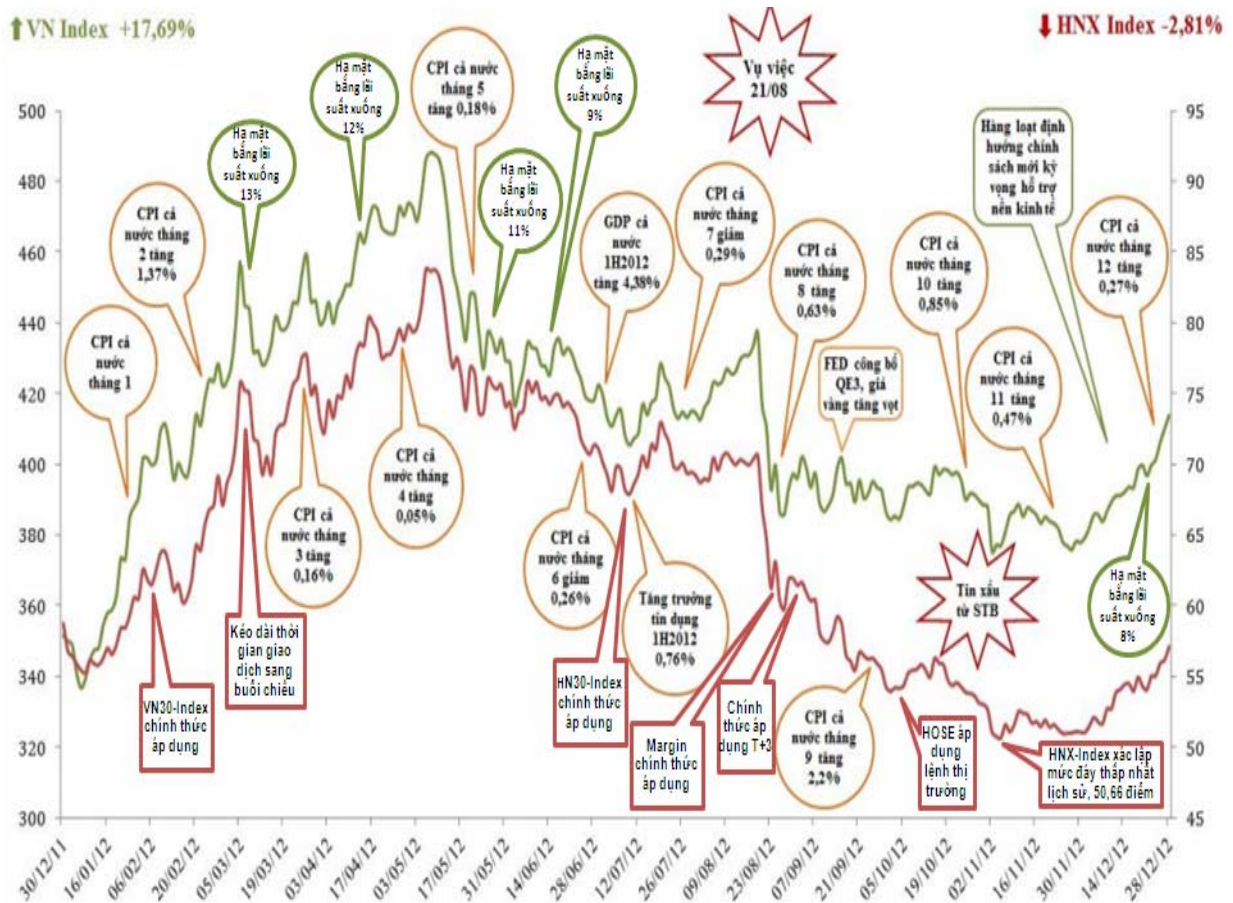
Tình hình thị trường chứng khoán năm 2012 tiếp tục những diễn biến bất lợi của năm 2011 mặc dù hai quý đầu năm 2012 thị trường có khởi sắc nhưng đã đảo chiều đi xuống suốt trong 2 quý cuối năm. Thanh khoản kiệt quệ với giá trị giao dịch bình quân/phiên chỉ đạt 265 tỷ/phiên, chỉ số VNI đạt đáy thấp nhất trong năm ở mức 375.26 điểm ngày 2/11/2012. Thị trường chỉ thực sự thoát ra khỏi tình trạng suy giảm cả về chỉ số và giá trị giao dịch vào đầu tháng 12 năm 2012. Cuối năm 2012, chỉ số VNI đạt 413.73 điểm, tăng 38.47 điểm tương ứng 10.25% so với mức đáy. Thời điểm tháng cuối năm 2012 cũng là thời điểm mà Chính phủ, Ngân hàng nhà nước và các cơ quan liên quan công bố hàng loạt các thông tin tích cực liên quan đến việc điều hành kinh tế vĩ mô, giải cứu thị trường bất động sản, điều hành lãi suất ngân hàng theo chiều hướng tích cực.

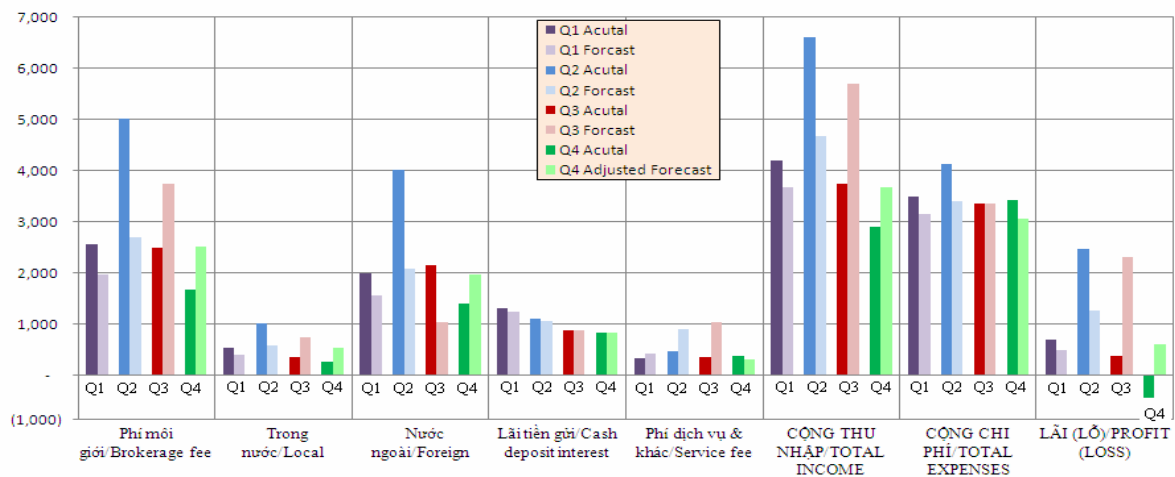


Bảng so sánh trên đây cung cấp thông tin về chỉ số VNIndex cũng như giá trị giao dịch trên sàn Tp. HCM trong hai năm 2011 và 2012.

Thị trường chứng khoán là chỉ số của nền kinh tế, phản ánh trung thực các chính sách điều hành của chính phủ như lãi suất, chỉ số CPI, những thay đổi về hệ thống của UBCK Nhà nước cũng như những thay đổi về việc tái cơ cấu hệ thống ngân hàng, tài chính. Biểu đồ dưới đây cho thấy những biến động rất liên tục của các thông tin này và nó đã ảnh hưởng thị trường chứng khoán Việt nam trong năm 2012 ra sao.

Các doanh nghiệp nói chung và niêm yết nói riêng tiếp tục gặp khó khăn gay gắt trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm hàng hóa đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bất động sản, sản xuất vật liệu xây dựng, thủy sản, chứng khoán, bảo hiểm... Nợ xấu, hàng tồn kho tăng cao là những rào cản gây khó khăn nghiêm trọng cho hoạt động của doanh nghiệp. Kết quả kinh doanh của hầu hết các doanh nghiệp đều sụt giảm mạnh so với năm 2011 trừ một số các doanh nghiệp có tình hình tài chính tốt như VNM, DPM... Số liệu cho thấy, năm 2012 có trên 50.000 doanh nghiệp giải thể và phá sản.



Về kết quả hoạt động của JSI trong năm 2012:

Hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực môi giới, trong đó môi giới khách hàng nước ngoài là chủ yếu, kết quả hoạt động của JSI trong năm 2012 cũng không nằm ngoài xu hướng của các công ty chứng khoán trên thị trường. Công ty đạt được doanh thu thực tế cao hơn kế hoạch vào quý I và quý II trong khi doanh thu thực tế thấp hơn kế hoạch vào 2 quý còn lại của năm 2012.

Nhận thấy xu hướng bất lợi của thị trường vào nửa cuối năm 2012, Ban Giám đốc công ty đã chủ động xin điều chỉnh kế hoạch kinh doanh. Tuy nhiên, kết quả là doanh thu thực tế đạt được của JSI năm 2012 chỉ đạt mức 17,494 tỷ đồng, đạt 94% so với kế hoạch điều chỉnh. Lợi nhuận gộp thực tế đạt được của JSI năm 2012 đạt được là 3,075 tỷ, đạt 68% so với kế hoạch điều chỉnh.

Ban Giám đốc công ty nhận thấy, mặc dù kết quả kinh doanh không đạt được như mức đặt ra theo kế hoạch vì nhiều lý do cả khách quan điều kiện thị trường và chủ quan hệ thống quản trị của công ty. Tuy nhiên, trong năm 2012, Ban Giám đốc công ty đã tập trung vào việc kiện toàn bộ máy làm việc nâng cao năng lực phục vụ, hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro, ban hành quy trình làm việc tới tất cả các phòng ban. Đây là chiến lược dài hạn của Công ty trong năm 2012 để có thể hướng tới việc thực hiện các kế hoạch kinh doanh tốt hơn trong các năm tiếp theo.

2. Tình hình tài chính**a) Tình hình tài sản**

Năm 2012, tình hình tài sản của công ty không có một số biến động do có sự cơ cấu lại các hạng mục tài sản. Tổng tài sản đầu kỳ là 47,049 tỷ trong đó tài sản dài hạn là 1,968 tỷ và tài sản ngắn hạn là 45,081 tỷ đồng. Tổng tài sản cuối kỳ là 66,304 tỷ trong đó tài sản dài hạn là 8,244 tỷ và tài sản ngắn hạn là 58,059 tỷ đồng. Tổng tài sản cuối kỳ tăng 19,25 tỷ đồng trong đó các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán tăng 10,26 tỷ (đây là khoản tiền JSI cho khách hàng vay margin và vay ứng trước) và khoản phải thu dài hạn tăng 6,76 tỷ đồng.

Trong năm 2012, Công ty đã ghi nhận một khoản phải thu dài hạn là 6,76 tỷ đồng do khách hàng không có khả năng trả nợ và Công ty đã phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của mình với Ngân hàng BIDV Cầu giấy và VIB Hoàng Quốc Việt theo các thỏa thuận và cam kết giữa ba bên (khách hàng, công ty chứng khoán và ngân hàng) trước đó.

b) Tình hình nợ phải trả

Trong kỳ phát sinh khoản nợ 10,34 tỷ đồng (đây là khoản nợ với ngân hàng BIDV Hà Thành) – là khoản nợ mà JSI vay từ Ngân hàng này để tài trợ cho khách hàng của công ty cho mục đích vay margin và ứng trước tiền bán (khoản vay từ ngân hàng này được JSI thế chấp từ các khoản tiền tiết kiệm có kỳ hạn của công ty). Đồng thời, trong kỳ phát sinh khoản phải trả trị giá 6,76 tỷ). Chi tiết trình bày ở trên – mục a.

Tuy nhiên, tình hình tài chính của công ty vẫn được đảm bảo theo yêu cầu về chỉ tiêu an toàn tài chính cũng như công ty đủ năng lực để thanh toán các khoản nợ.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

a) Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán

Hoạt động môi giới và lưu ký chứng khoán là nghiệp vụ chính của JSI, mang lại gần 70% doanh thu cho công ty. Trong đó, hoạt động môi giới và lưu ký chứng khoán của khách hàng nước ngoài chiếm 82% tổng doanh thu môi giới và lưu ký còn lại là khách hàng trong nước, với tỷ trọng rất nhỏ.

Trong thời gian tới, JSI sẽ tăng cường hoạt động Marketing và bán hàng cho cả đối tượng khách hàng nước ngoài và trong nước nhằm gia tăng thị phần cũng như giá trị giao dịch. Đặc biệt JSI đã và đang hướng tới mục tiêu các khách hàng tổ chức nước ngoài.

Với đặc thù khách hàng trong nước là thường giao dịch chứng khoán kèm theo hoạt động margin do vậy mục tiêu của JSI là sẽ hướng tới phục vụ khách hàng cá nhân với quy mô giao dịch vừa và nhỏ nhằm quản lý tốt các khoản vay cũng như giảm thiểu rủi ro cho cả công ty chứng khoán và khách hàng.

b) Hoạt động dịch vụ chứng khoán

Là một công ty chứng khoán có quy mô nhỏ, nền tảng công nghệ và cơ sở vật chất đủ để đáp ứng các yêu cầu giao dịch, JSI lấy trọng tâm là con người nhằm cung cấp dịch vụ chứng khoán đáp ứng yêu cầu của nhà đầu tư. Bộ phận Nghiệp vụ chứng khoán và Dịch vụ Tài chính là hai bộ phận chức năng trong công ty có trách nhiệm cung cấp các dịch vụ chứng khoán theo yêu cầu của khách hàng.

Về dịch vụ tài chính: Mặc dù không chủ trương khuyến khích khách hàng sử dụng margin, tuy nhiên, để gia tăng lợi nhuận của khách hàng vào những thời điểm thị trường sôi động, JSI cam kết cung cấp dịch vụ margin các khách hàng có nhu cầu với tỷ lệ margin theo quy định của UBCK với lãi suất hợp lý.

c) *Hoạt động nghiên cứu phân tích*

Hoạt động nghiên cứu phân tích là hoạt động hỗ trợ thiết thực cho nghiệp vụ Môi giới chứng khoán của công ty thông qua việc cung cấp các báo cáo phân tích, các nhận định thị trường. Trong năm 2012, công ty đã từng bước củng cố bộ máy nhân sự, tăng cường chất lượng hoạt động tìm hiểu, nghiên cứu doanh nghiệp để nắm bắt thông tin nhằm đưa ra các khuyến cáo phù hợp cho nhà đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư tổ chức nước ngoài.

Với hệ thống báo cáo của công ty hiện nay gồm: báo cáo hàng ngày, báo cáo vĩ mô, báo cáo phân tích các sự kiện bất thường trên TTCK, báo cáo phân tích công ty và báo cáo triển vọng thị trường chứng khoán Việt nam. Sắp tới, JSI sẽ đưa ra thêm nhiều loại hình báo cáo phân tích nhằm đáp ứng các yêu cầu của nhà đầu tư trong nước và nước ngoài.

d) *Hoạt động kiểm tra kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro*

Công ty đã ban hành tương đối đầy đủ các quy trình nghiệp vụ kinh doanh cũng như các quy định về quản trị nội bộ, thường xuyên cập nhật kịp thời các quy định mới của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán nên các nghiệp vụ của công ty đều được quản trị một cách chặt chẽ và an toàn.

Công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro tại Công ty luôn giữ một vai trò hết sức quan trọng trong việc quản trị rủi ro thông qua việc kiểm soát tuân thủ trong tất cả các hoạt động của Công ty đặc biệt là các hoạt động nghiệp vụ và hoạt động tài chính. Bộ phận kiểm tra kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro đã thực hiện kiểm soát hoạt động các phòng nghiệp vụ như môi giới, dịch vụ tài chính, kế toán tài chính. Qua kiểm tra, kiểm soát đã kịp thời yêu cầu các phòng nghiệp vụ chấn chỉnh các hoạt động nhằm hạn chế các rủi ro có thể xảy ra.

e) *Hoạt động tổ chức nhân sự và chế độ tiền lương*

Công ty duy trì bộ máy tổ chức nhân sự gọn nhẹ và linh hoạt với chế độ tiền lương và chế độ phúc lợi tương đối cao so với mặt bằng thị trường các công ty chứng khoán hiện nay. Với mục tiêu lựa chọn các nhân sự tốt nhất cho các vị trí trong công ty và chế độ đãi ngộ tốt đã giúp JSI có được một bộ máy nhân sự ổn định và hoạt động có hiệu quả.

f) Kế hoạch phát triển trong tương lai

Với việc duy trì quy mô vốn khiêm tốn như hiện nay, JSI sẽ tập trung phát triển mảng Môi giới và Dịch vụ tài chính. Với mảng môi giới, tập trung khai thác thế mạnh của JSI là các khách hàng cá nhân và tổ chức đến từ Nhật Bản. Với mảng dịch vụ tài chính, tập trung phục vụ các đối tượng khách hàng cá nhân vừa và nhỏ.

Bên cạnh đó, việc mở rộng các mảng dịch vụ thu phí khác cũng được JSI chú trọng như việc trở thành đại lý phân phối chứng chỉ quỹ mở đầu tiên cho công ty quản lý quỹ lớn là MB Capital. JSI cũng đã và đang trong quá trình xúc tiến để trở thành Đại lý phân phối quỹ mở cho một số các công ty quản lý quỹ có uy tín hàng đầu ở Việt Nam.

Với dự báo nền kinh tế thế giới và Việt Nam vẫn còn tiếp tục khó khăn trong năm 2013 với việc dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam ở mức 5,3%, lạm phát ở mức 8% so với năm 2012. Kinh tế Việt Nam vẫn tiếp tục gặp phải những khó khăn lạm phát có xu hướng tăng trở lại, lãi suất cho vay ra vẫn ở mức rất cao so với yêu cầu và khả năng của doanh nghiệp, nợ xấu ngân hàng, hàng tồn kho đặc biệt là hàng tồn kho bất động sản. Do vậy, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn tiếp tục có những diễn biến khó lường.

Với điều kiện kinh tế và thị trường khó khăn ở trên, năm 2013, JSI sẽ thận trọng trong việc xây dựng kế hoạch kinh doanh của mình, mục tiêu của công ty là tăng trưởng các chỉ tiêu cả về doanh thu và lợi nhuận so với năm 2012. Cụ thể:

- Tổng Doanh thu: 21.455 Triệu VND; Tăng 23% so với năm 2012;
- Tổng Chi phí: 16.854 Triệu VND; Tăng 17% so với năm 2012;
- Lợi nhuận trước thuế: 4.601 Triệu VND; Tăng 50% so với năm 2012.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:**1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Hội đồng quản trị ghi nhận năm 2012 Công ty đã có những thay đổi tích cực trong mọi hoạt động, cụ thể:

- Tăng trưởng về lợi nhuận so với năm 2011 dù chưa đạt được kỳ vọng của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp đầu năm 2012;
- Hoàn thiện và bổ sung các qui trình công việc chi tiết và cập nhật kịp thời những thay đổi trong hoạt động thường ngày, theo đó hạn chế tối đa những rủi ro nghiệp vụ có thể gặp phải;
- Linh hoạt cung cấp các báo cáo ngày, tuần, tháng, quý, năm cho các khách hàng hiện tại và tiềm năng của công ty, hỗ trợ khách hàng tìm kiếm thông tin đầu tư, từ đó đẩy mạnh giao dịch, và tăng doanh thu cho công ty

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban Giám đốc công ty trong việc điều hành hoạt động và công tác quản lý nói chung. Trong tình hình thị trường chung còn gặp nhiều khó khăn, Công ty vẫn đạt kết quả kinh doanh khả quan, và ngày càng tăng trưởng. Cụ thể:

- Tích cực giới thiệu về thị trường chứng khoán Việt Nam với các đối tác nước ngoài thông qua các kênh quảng bá nước ngoài như Bloomberg, Tokyo TV...
- Triển khai hoạt động marketing thông qua các buổi giới thiệu về thị trường chứng khoán Việt Nam tại Nhật Bản do các đối tác tại Nhật Bản tổ chức;
- Thúc đẩy việc lập và triển khai kế hoạch marketing đối với các nhà đầu tư trong nước bằng cách mở rộng phòng kinh doanh, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao năng lực phục vụ và chất lượng dịch vụ của công ty;
- Hoàn thiện cơ sở thông tin cung cấp cho khách hàng thông qua các báo cáo ngày, tuần, tháng, quý, năm cho các khách hàng hiện tại và tiềm năng;
- Bổ sung dữ liệu, làm phong phú nội dung Website của công ty;
- Nâng cấp phần mềm để tạo tiện ích tối đa cho khách hàng đồng thời nâng cao chất lượng quản lý và sử dụng của người sử dụng trong công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Về cơ bản, Hội đồng Quản trị vẫn tiếp tục những công việc và chiến lược trung hạn, cụ thể:

- Đảm bảo an toàn vốn và hiệu quả hoạt động kinh doanh;
- Mở rộng và duy trì tốt mối quan hệ với khách hàng, đặc biệt ở phân khúc khách hàng tổ chức nước ngoài;
- Nâng cao hiệu quả kinh doanh, đẩy mạnh hoạt động marketing ở thị trường Nhật Bản và nội địa, nâng cao chất lượng hoạt động môi giới và tư vấn đầu tư;
- Đảm bảo cho công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả cao;
- Chỉ đạo xây dựng và phê duyệt chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh trung dài hạn của Công ty;
- Thực hiện chế độ họp định kỳ hàng quý để định hướng, chỉ đạo hoạt động kinh doanh và công tác điều hành của Ban giám đốc Công ty phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật, nhằm phát huy tối đa hiệu quả hoạt động kinh doanh.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Hình thức	Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại các công ty khác
1	Lê Minh Tuấn	10%	Thành viên không điều hành	1
2	Nguyễn Trần Tuấn Nghĩa	6%	Thành viên không điều hành	1
3	Nguyễn Thị Hồng Hà	6%	Thành viên không điều hành	1
4	Aizawa Motoya	14,5%	Thành viên không điều hành	1
5	Kyu Eikan	20%	Thành viên không điều hành	1
6	Hiramoto Hiroshi	14,5%	Thành viên điều hành	1

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: đang thành lập Ban Quản trị rủi ro & Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị theo Thông tư 210/2012/TT-BTC ban hành ngày 30/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Công tác tổ chức nhân sự: Công ty đã ổn định được cơ cấu tổ chức, nhân sự, vận hành phù hợp với Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.
- Công tác quản trị doanh nghiệp:
 - Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quy chế làm việc và phối hợp giữa HĐQT với Ban giám đốc;
 - Duy trì chế độ họp thường kỳ hàng Quý để định hướng, chỉ đạo hoạt động kinh doanh và công tác điều hành của Ban Giám đốc Công ty phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Ngoại trừ ông Hiramoto Hiroshi nắm chức vụ Tổng Giám đốc, các thành viên Hội đồng quản trị khác đều không trực tiếp điều hành công việc tại Công ty. Tuy vậy, với việc duy trì chế độ họp thường kỳ hàng Quý cùng các chế độ báo cáo bằng văn bản, bằng dữ liệu điện tử và trực tiếp khác, các thành viên Hội đồng quản trị đều nắm được tình hình hoạt động và đảm bảo công tác điều hành chỉ đạo kịp thời đối với Ban lãnh đạo Công ty.

- e) *Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị.*
 f) *Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.*

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Vị trí	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
1	Phạm Thị Ngọc Diệp	Trưởng ban	0,24%
2	Đặng Thị Thanh Huyền	Ủy viên	0,49%
3	Hoàng Thị Mai Lan	Ủy viên	3,40%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Trong năm, Ban kiểm soát công ty nhận được sự phối hợp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong thực hiện nhiệm vụ. Ban kiểm soát đã thường xuyên theo sát tình hình hoạt động và cập nhật các thông tin của Công ty và Hội đồng Quản trị trực tiếp và qua email;
- Xem xét và kiểm tra các báo cáo tổng kết tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty hàng tháng, quý do Ban Giám đốc và phòng Kế toán thực hiện;
- Báo cáo tài chính theo quý và báo cáo tài chính năm 2012 của JSI đã được lập đúng thời hạn và tuân thủ đúng các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành;
- Xem xét báo cáo của tổ chức kiểm toán;
- Công tác kế toán nội bộ luôn đảm bảo hệ thống chứng từ sổ sách kế toán theo đúng chế độ và chuẩn mực kế toán;
- Quản lý chặt chẽ và linh hoạt các nguồn lực tài chính và đảm bảo kinh phí cho hoạt động của Công ty;
- Thực hiện tốt các nghĩa vụ tài chính và báo cáo với các cơ quan quản lý.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

- a) *Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:* không có.
 b) *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:* không có.
 c) *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:* không có.
 d) *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:* Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản lý, quản trị, điều hành của Ban Giám đốc, và đảm bảo hiệu quả quản trị của Hội đồng Quản trị đối với bộ máy điều hành.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)

Số: 86 /2013/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản

5-C.T.
TY
HỮU HẠN
TƯ VẤN
KẾ TOÁN
M. TOI
KIỂM

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản được lập ngày 29 tháng 01 năm 2013, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra và áp dụng các thử nghiệm cần thiết theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: Đ0063/KTV

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2013

Lê Đức Minh

Lê Đức Minh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1628/KTV

1 Le Phung Hieu, Ha Noi, Viet Nam | Tel.: +84-4-3824-1990/1 | Fax.: +84-4-3825-3973
aaschn@hn.vnn.vn | www.aasc.com.vn

A member of International. A world-wide network of independent accounting firms and business advisers

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà NộiBáo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		58.059.982.749	45.081.536.375
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	15.305.542.029	42.854.745.857
111	1. Tiền		12.305.542.029	6.854.745.857
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.000.000.000	36.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	30.000.000.000	-
121	1. Đầu tư ngắn hạn		30.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	12.077.030.725	1.636.011.604
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	1.004.300
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		11.436.947.950	1.171.637.345
138	5. Các khoản phải thu khác		670.224.764	463.369.959
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(30.141.989)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		677.409.995	590.778.914
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		463.696.836	504.665.414
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	7	127.599.659	-
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	86.113.500	86.113.500
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		8.244.559.075	1.968.017.960
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	9	6.764.787.136	-
218	4. Phải thu dài hạn khác		6.764.787.136	-
220	II. Tài sản cố định		1.090.660.370	1.674.562.568
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	766.052.271	1.338.118.922
222	- Nguyên giá		3.773.761.350	3.715.670.441
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.007.709.079)	(2.377.551.519)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	324.608.099	336.443.646
228	- Nguyên giá		2.018.838.620	1.687.774.220
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.694.230.521)	(1.351.330.574)
260	V. Tài sản dài hạn khác		389.111.569	293.455.392
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	12	321.087.181	225.431.004
268	4. Tài sản dài hạn khác		68.024.388	68.024.388
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		66.304.541.824	47.049.554.335

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà NộiBáo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		22.704.746.387	4.209.459.857
310	I. Nợ ngắn hạn		22.704.746.387	4.209.459.857
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	10.343.854.771	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	115.896.611	221.687.137
315	5. Phải trả người lao động		82.816.000	107.049.242
316	6. Chi phí phải trả	15	705.373.248	666.684.633
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	11.456.805.706	3.212.097.845
321	10. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		-	1.941.000
323	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		51	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		43.599.795.437	42.840.094.478
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	43.599.795.437	42.840.094.478
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		41.000.000.000	41.000.000.000
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	109.366
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		147.387.195	31.710.151
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		165.598.660	31.710.151
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.286.809.582	1.776.564.810
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		66.304.541.824	47.049.554.335

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà NộiBáo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
01	1. Doanh thu	18	17.511.973.915	14.655.629.942
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		11.783.110.347	7.127.766.192
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		-	1.540.542.910
01.9	Doanh thu khác		5.728.863.568	5.987.320.840
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18	17.167.346	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	18	17.494.806.569	14.655.629.942
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	19	9.486.291.206	8.846.542.900
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		8.008.515.363	5.809.087.042
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	4.952.785.455	4.708.345.896
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.055.729.908	1.100.741.146
31	8. Thu nhập khác		-	506.968.178
40	10. Lợi nhuận khác		-	506.968.178
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.055.729.908	1.607.709.324
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	768.920.326	401.927.329
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>2.286.809.582</u>	<u>1.205.781.995</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	558	294

111
NG
NHIE
H VU
CHINH
KIET
ANK

Đoàn Thị Hồng
Kế toán trưởng

Hiramoto Hiroshi
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 29 tháng 01 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		3.055.729.908	1.607.709.324
02	- Khấu hao tài sản cố định		973.057.507	1.610.662.074
03	- Các khoản dự phòng		30.141.989	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		19.951.395	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(5.070.821.237)	(5.843.035.886)
06	- Chi phí lãi vay		79.882.317	-
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(912.058.121)	(2.624.664.488)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(16.723.765.886)	1.458.206.395
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		8.246.734.463	2.848.060.502
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		40.968.578	(200.853.802)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(79.882.317)	-
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.026.501.762)	(483.346.590)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.800.137.344	-
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.074.530.123)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		(10.728.897.824)	997.402.017
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(389.155.309)	(10.760.000)
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(30.000.000.000)	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.650.638.083	5.843.035.886
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(25.738.517.226)	5.832.275.886
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		12.058.466.436	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.714.611.665)	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.405.582.788)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		8.938.271.983	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(27.529.143.067)	6.829.677.903

3-C
 TỶ
 HỮU
 TỬ
 Ế
 TỐ
 TỐ
 3-M

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính


cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ


(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		42.854.745.857	36.026.343.906
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(20.060.761)	(1.275.952)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	<u>15.305.542.029</u>	<u>42.854.745.857</u>


Đoàn Thị Hồng
Kế toán trưởng




Hiramoto Hiroshi
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 29 tháng 01 năm 2013



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

1 . THÔNG TIN CHUNG**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản (trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoa Anh Đào) được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 103/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 01 năm 2009, Giấy phép điều chỉnh số 239/UBCK-GP ngày 20 tháng 05 năm 2009, Giấy phép điều chỉnh số 310/UBCK-GP ngày 11 tháng 03 năm 2010 và Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK ngày 21 tháng 01 năm 2011.

Tư sở chính của Công ty: Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 41.000.000.000 đồng; tương đương 4.100.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢNSố 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, trái phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢNSố 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm
		VND
Của người đầu tư	212.690.408	3.293.149.535.400
- Cổ phiếu	212.690.408	3.293.149.535.400
	<u>212.690.408</u>	<u>3.293.149.535.400</u>

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	1.036.483.535	3.646.493.434
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	11.269.058.494	3.208.252.423
Các khoản tương đương tiền (*)	3.000.000.000	36.000.000.000
	<u>15.305.542.029</u>	<u>42.854.745.857</u>

(*) Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 phản ánh khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 1 tháng tại ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy theo hợp đồng số 01131112/HĐTG-BIDV.CG ngày 13/11/2012.

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác (*)	30.000.000.000	-
	<u>30.000.000.000</u>	<u>-</u>

(*) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 13 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành, lãi suất 11% năm. Lãi trả sau, tiền gốc và lãi trả một lần vào ngày đáo hạn.

105
 NG 7
 NIỆM
 VỤ
 HÌNH
 KIỂM
 TÍN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Số đầu năm			Số phát sinh trong năm		Số cuối năm			Tổng số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	1.004.300	-	-	-	1.004.300	-	-	-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	1.171.637.345	-	-	331.170.843.224	320.905.532.619	11.436.947.950	-	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	228.195.152	-	-	9.162.320.781	9.122.252.812	268.263.121	-	-	-
- Phải thu hợp đồng margin của khách hàng trong nước	-	-	-	62.913.028.934	52.506.641.881	10.406.387.053	-	-	-
- Ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng	943.442.193	-	-	259.095.493.509	259.276.637.926	762.297.776	-	-	-
5. Các khoản phải thu khác	463.369.959	-	-	13.209.401.648	13.002.546.843	670.224.764	60.283.977	-	(30.141.989)
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	122.705.740	-	-	3.083.072.501	2.662.889.347	542.888.894	-	-	-
- Phải thu khác	340.664.219	-	-	10.126.329.147	10.339.657.496	127.335.870	60.283.977	-	(30.141.989)
TỔNG CỘNG	1.636.011.604	-	-	344.380.244.872	333.909.083.762	12.107.172.714	60.283.977	-	(30.141.989)



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Tình hình trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi:		Năm 2012	Năm 2011
		VND	VND
Số dư đầu năm		-	-
Số trích lập/hoàn nhập trong năm		(30.141.989)	-
Số dư cuối năm		<u>(30.141.989)</u>	<u>-</u>
7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC			
		31/12/2012	01/01/2012
		VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp		127.599.659	-
		<u>127.599.659</u>	<u>-</u>
8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC			
		31/12/2012	01/01/2012
		VND	VND
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược		86.113.500	86.113.500
		<u>86.113.500</u>	<u>86.113.500</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

9 . CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN

	Số đầu năm			Số phát sinh trong năm		Số cuối năm			Tổng số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
4. Phải thu dài hạn khác (*)	-	-	-	6.764.787.136	-	6.764.787.136	-	-	-
Phải thu Ông Ngô Lê Quý	-	-	-	1.907.197.099	-	1.907.197.099	-	-	-
Phải thu Ông Vũ Mạnh Hùng	-	-	-	4.849.573.318	-	4.849.573.318	-	-	-
Phải thu dài hạn khác	-	-	-	8.016.719	-	8.016.719	-	-	-
TỔNG CỘNG	-	-	-	6.764.787.136	-	6.764.787.136	-	-	-

(*) Phản ánh khoản phải thu nhà đầu tư theo hợp đồng dịch vụ hỗ trợ tài chính giữa nhà đầu tư và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy mà tại thời điểm 31/12/2012, giá trị tiền hỗ trợ theo hợp đồng đã được Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản trả thay cho nhà đầu tư. Khoản phải thu nhà đầu tư được đảm bảo bằng tài sản hiện có trong tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư và một số tài khoản bảo lãnh căn cứ theo hợp đồng ký quỹ giao dịch chứng khoán giữa nhà đầu tư và Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà NộiBáo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	1.135.814.649	2.579.855.792	3.715.670.441
Số tăng trong năm	-	58.090.909	58.090.909
- Mua sắm mới	-	58.090.909	58.090.909
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	1.135.814.649	2.637.946.701	3.773.761.350
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	252.624.754	2.124.926.765	2.377.551.519
Số tăng trong năm	189.302.436	440.855.124	630.157.560
- Trích khấu hao	189.302.436	440.855.124	630.157.560
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	441.927.190	2.565.781.889	3.007.709.079
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	883.189.895	454.929.027	1.338.118.922
Số dư cuối năm	693.887.459	72.164.812	766.052.271

Trong đó

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.440.195.320 đồng.

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán VND	Khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	1.495.502.400	192.271.820	1.687.774.220
Số tăng trong năm	331.064.400	-	331.064.400
- Mua sắm mới	17.564.400	-	17.564.400
- Nâng cấp phần mềm	313.500.000	-	313.500.000
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	1.826.566.800	192.271.820	2.018.838.620
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	1.205.570.974	145.759.600	1.351.330.574
Số tăng trong năm	302.724.832	40.175.115	342.899.947
- Trích khấu hao	302.724.832	40.175.115	342.899.947
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	1.508.295.806	185.934.715	1.694.230.521
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	289.931.426	46.512.220	336.443.646
Số dư cuối năm	318.270.994	6.337.105	324.608.099

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà NộiBáo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

12 . TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	180.444.497	105.431.004
Tiền lãi phân bổ trong năm	20.642.684	-
Số dư cuối năm	321.087.181	225.431.004

13 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	01/01/2012	Số vay trong năm	Số trả trong năm	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	12.058.466.436	(1.714.611.665)	10.343.854.771
- Ngân hàng	-	12.058.466.436	(1.714.611.665)	10.343.854.771
	-	12.058.466.436	(1.714.611.665)	10.343.854.771

Chi tiết các khoản vay:

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (*)	10.343.854.771	-
	10.343.854.771	-

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (*) Hợp đồng cấp hạn mức thanh toán số 311012/HĐ.HMTT/HTH-CKNB ngày 31 tháng 10 năm 2012 và vẫn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cấp hạn mức thanh toán năm 2012 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Ngân hàng cấp hạn mức thanh toán số tiền: 28.500.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: được sử dụng để bù đắp thiếu hụt tài chính tạm thời phù hợp với các quy định của pháp luật, trừ các giao dịch điều chuyển vốn nội bộ và thanh toán nợ vay tại BIDV;
 - + Thời hạn vay: đến hết ngày 25/11/2013;
 - + Lãi suất cho vay: 12,5%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: khoản vay được đảm bảo bằng một số tài khoản tiền gửi có kỳ hạn mở tại BIDV.

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	927.138	5.179.494
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	129.981.777
Thuế Thu nhập cá nhân	114.969.473	86.525.866
	115.896.611	221.687.137

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà NộiBáo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Phí giao dịch, phí lưu ký	52.016.127	61.494.632
Chi phí kiểm toán	60.000.000	88.358.178
Chi phí phải trả khác	593.357.121	516.831.823
	<u>705.373.248</u>	<u>666.684.633</u>

16 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.269.058.494	3.208.252.423
Phải trả cổ tức cho cổ đông	29.417.212	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	158.330.000	3.845.422
	<u>11.456.805.706</u>	<u>3.212.097.845</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
NĂM 2011						
Số dư đầu năm	41.000.000.000	1.385.318	31.710.151	31.710.151	570.782.815	41.635.588.435
Lãi trong năm	-	-	-	-	1.205.781.995	1.205.781.995
Giảm khác	-	(1.275.952)	-	-	-	(1.275.952)
Số dư cuối năm	41.000.000.000	109.366	31.710.151	31.710.151	1.776.564.810	42.840.094.478
NĂM 2012						
Lãi trong năm	-	-	-	-	2.286.809.582	2.286.809.582
Trích lập các quỹ	-	-	115.677.044	133.888.509	(249.565.553)	-
Trích lập quỹ KT-PL	-	-	-	-	(91.999.257)	(91.999.257)
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(1.435.000.000)	(1.435.000.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	(109.366)	-	-	-	(109.366)
Số dư cuối năm	41.000.000.000	-	147.387.195	165.598.660	2.286.809.582	43.599.795.437

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	4.100.000.000	10,00%	4.100.000.000	10,00%
Vốn góp của Công ty Chứng khoán Aizawa	5.945.000.000	14,50%	5.945.000.000	14,50%
Vốn góp của Japan Asia Holdings Limited	5.945.000.000	14,50%	5.945.000.000	14,50%
Vốn góp của Công ty TNHH Đầu tư Tanmark	8.200.000.000	20,00%	8.200.000.000	20,00%
Vốn góp của đối tượng khác	16.810.000.000	41,00%	16.810.000.000	41,00%
	41.000.000.000	100%	41.000.000.000	100%



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà NộiBáo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	41.000.000.000	41.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	41.000.000.000	41.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	41.000.000.000	41.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.435.000.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	1.435.000.000	-

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.100.000	4.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.100.000	4.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.100.000	4.100.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.100.000	4.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.100.000	4.100.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	17.511.973.915	14.655.629.942
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	11.783.110.347	7.127.766.192
- Doanh thu hoạt động tư vấn	-	1.540.542.910
- Doanh thu khác	5.728.863.568	5.987.320.840
Các khoản giảm trừ doanh thu	(17.167.346)	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	17.494.806.569	14.655.629.942

19 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	1.126.692.417	739.475.076
Chi phí khác	99.833.712	-
Chi phí trực tiếp chung	8.259.765.077	8.107.067.824
- Chi phí nhân viên	4.161.858.947	3.781.526.247
- Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	21.735.000	-
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	656.850.759	1.153.525.728
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.419.320.371	3.172.015.849
Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	9.486.291.206	8.846.542.900



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà NộiBáo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.484.725.048	2.357.416.275
Chi phí khấu hao tài sản cố định	316.206.748	454.575.864
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.046.786.558	1.768.279.014
Chi phí khác bằng tiền	102.067.101	125.074.743
	4.952.785.455	4.708.345.896

21 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.055.729.908	1.607.709.324
Các khoản điều chỉnh tăng	19.951.395	-
- Chi phí không hợp lệ	19.951.395	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	3.075.681.303	1.607.709.324
- Thu nhập tính thuế còn lại	3.075.681.303	1.607.709.324
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất năm hiện hành	768.920.326	401.927.329
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	768.920.326	401.927.329
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	129.981.777	211.401.031
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(1.026.501.762)	(483.346.583)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	(127.599.659)	129.981.777

22 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	2.286.809.582	1.205.781.995
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	2.286.809.582	1.205.781.995
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.100.000	4.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	558	294

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

23 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2012		01/01/2012	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.305.542.029	-	42.854.745.857	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	11.436.947.950	-	1.171.637.345	-
Phải thu khác	7.435.011.900	(30.141.989)	463.369.959	-
Đầu tư ngắn hạn	30.000.000.000	-	-	-
	64.177.501.879	(30.141.989)	44.489.753.161	-
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			10.343.854.771	-
Chi phí phải trả			705.373.248	666.684.633
Phải trả khác			11.456.805.706	3.212.097.845
			22.506.033.725	3.878.782.478

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại 31/12/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.305.542.029	-	-	15.305.542.029
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	11.436.947.950	-	-	11.436.947.950
Phải thu khác	640.082.775	6.764.787.136	-	7.404.869.911
Đầu tư ngắn hạn	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000
	<u>57.382.572.754</u>	<u>6.764.787.136</u>	<u>-</u>	<u>64.147.359.890</u>
Tại 01/01/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.854.745.857	-	-	42.854.745.857
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	1.171.637.345	-	-	1.171.637.345
Phải thu khác	463.369.959	-	-	463.369.959
	<u>44.489.753.161</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>44.489.753.161</u>

1001
CỔ
RÁCH
DỊCH
ÀI CHỈ
KIẾ
DANK

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại 31/12/2012				
Vay và nợ	10.343.854.771	-	-	10.343.854.771
Chi phí phải trả	705.373.248	-	-	705.373.248
Phải trả khác	11.456.805.706	-	-	11.456.805.706
	<u>22.506.033.725</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>22.506.033.725</u>
Tại 01/01/2012				
Chi phí phải trả	666.684.633	-	-	666.684.633
Phải trả khác	3.212.097.845	-	-	3.212.097.845
	<u>3.878.782.478</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>3.878.782.478</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

24 . CÁC KHOẢN TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN DOANH NGHIỆP NẮM GIỮ NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược	11.269.058.494	3.208.252.423
	<u>11.269.058.494</u>	<u>3.208.252.423</u>

25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

110
NG T
TIỆM H
VỤ T U
KẾ T
M T O
EM - T

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà NộiBáo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

26 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Hoạt động môi giới chứng khoán	Các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	11.783.110.347	5.711.696.222	17.494.806.569
Chi phí trực tiếp	1.126.692.417	8.359.598.789	9.486.291.206
Chi phí phân bổ	-	-	4.952.785.455
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.656.417.930	(2.647.902.567)	3.055.729.908
Tài sản bộ phận	11.590.145.675	18.201.735.086	29.791.880.761
Tài sản không phân bổ	-	-	36.512.661.063
Tổng tài sản	11.590.145.675	18.201.735.086	66.304.541.824
Nợ phải trả của các bộ phận	11.269.058.494	-	11.269.058.494
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	11.435.687.893
Tổng nợ phải trả	11.269.058.494	-	22.704.746.387

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý:

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm hoạt động trong nước và một phần hoạt động từ Nhật Bản. Tuy nhiên hoạt động trong nước chiếm tỷ trọng trên 90% toàn bộ các hoạt động của toàn Công ty.

27 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Phí môi giới chứng khoán			
- Công ty TNHH Chứng khoán Japan Asia	Cổ đồng góp vốn	35.944.108	312.753.000
- Công ty TNHH Chứng khoán Aizawa	Cổ đồng góp vốn	56.708.475	1.268.728.305
Phí dịch vụ cung cấp thông tin			
- Công ty TNHH Chứng khoán Japan Asia	Cổ đồng góp vốn	316.953.023	200.400.000



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2012	01/01/2012
		VND	VND
Phải thu phí và thuế bán chứng khoán			
- Công ty TNHH Chứng khoán Japan Asia	Cổ đông góp vốn	3.546.772	63.127.166
- Công ty TNHH Chứng khoán Aizawa	Cổ đông góp vốn	139.123.545	85.617.742
Phải thu khác			
- Công ty TNHH Chứng khoán Japan Asia	Cổ đông góp vốn	24.437.218	27.318.000
- Công ty TNHH Chứng khoán Aizawa	Cổ đông góp vốn	-	118.015.296

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	487.099.998	395.352.000

28 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán.

Am
Đoàn Thị Hồng
Kế toán trưởng



HH
Hiramoto Hiroshi
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 29 tháng 01 năm 2013

Hà Nội, Ngày 24 tháng 03 năm 2013
CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN